

Số: 64/2024/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm: 1992; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 07/6/2012.

+ Cháu Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 28/5/2015.

Người đại diện cho hai cháu T1, T2 là chị Nguyễn Thị Thu P và anh Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly

hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu P và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị P và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 07/6/2012 và cháu Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 28/5/2015, hiện nay hai cháu đang ở với anh T. Chị P và anh T thỏa thuận, anh T sẽ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu T1, T2 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị P tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/cháu/tháng, tổng là 4.000.000đồng/2 cháu/tháng để anh T nuôi con chung, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị P và anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị P tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu số 0001702 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động (Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- UBND xã Song Mai (số ĐKKH 42 ngày 18/9/2011)

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- Phòng KTNV và THA Tòa án ND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Văn Quyền